TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77** */2017/HNGĐ-ST*
Ngày: 18- 9- 2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện

2. Ông Lưu Trọng Kim

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Công Quảng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 194/2017/TLST-HNGĐ, ngày 7 tháng 6 năm 2017, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐST- HNGĐ ngày 7/9/2017, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơ*n: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1955. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2.Bị đơn: Ông Thới L, sinh năm 1954. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Hiện ở tại xã ĐC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2017 và đơn khởi kiện ngày 6/6/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà N và ông Thới L cưới nhau vào năm 1976 tại Quảng Ngãi, lúc này chưa có tổ chức đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng vào huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống cho đến nay. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1986, khi bà N mang thai đứa con thứ tư, thì ông L có quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó hôn nhân giữa bà N và ông L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 1988 ông L có con riêng tên Thới Thị Kim L1, thì ông L không còn tha thiết gì đến gia đình, nên liên tục đánh đập, chửi bới, khiến mẹ con bà phải bỏ đi. Mặc dù vậy, bà N vẫn chăm lo cho các con học hành cho đến khi các con đều có công ăn việc làm ổn định. Do không đồng ý nhận con rơi của ông L, nên ông L thù hận bà, gần đây ông L xúi 02 con lớn về quậy phá gia đình, đánh đập, chửi bới các em, gia đình không được bình yên. Vợ chồng đã sống ly thân mười mấy năm nay. Nay bà N cương quyết xin ly hôn với ông Thới L.

Trong đơn bà N có nêu tài sản và con cái nhưng bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Thới L trình bày:

Ông L và bà N kết hôn năm 1976, tại Quảng Ngãi, lúc này chính quyền chưa tổ chức đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2004, ông L nhận đứa con riêng, sinh năm 1988, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bà N nghi ngờ ông L lấy tài sản gia đình cho con riêng, nhưng thực tế ông L không cho con riêng của ông tài sản gì. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2000, ông L thường xuyên sống ở trong rẫy thuộc xã ĐC để sản xuất, huyện Đ, còn bà N thì ở tại xã NC, huyện Đ buôn bán. Ngoài ra thời gian vừa qua 02 người con lớn của ông L và bà N về cải vã với bà N, dẫn đến việc các con đánh nhau. Từ đó bà N cho rằng ông L xúi giục các con về cải cọ với bà, nên bà làm đơn xin ly hôn.

Ông L không muốn ly hôn, vì vợ chồng đã lớn tuổi, đã có sui, có gia. Các con đều lớn tuổi, tài sản không tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy

định. Nguyên đơn tuân thủ các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị N và ông Thới L kết hôn 1976, không có đăng ký kết hôn, nhưng đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh thị N là có căn cứ chấp nhận, vì: Ông L đã có con riêng, ít quan tâm vợ con, nên tình cảm vợ chồng mâu thuẩn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị tuyên bố bà N ly hôn với ông L.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành, nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục*: Việc khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị N và ông Thới L xác lập vào năm 1976, trước ngày 3/1/1987, nên căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 9/6/2000 để công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và giải quyết theo quy định chung. Mặc dù, trong quá trình tham gia tố tụng ông Thới L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị N. Tuy nhiên, xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà N và ông L không còn hạnh phúc, bởi vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hiện tại mỗi người sống mỗi nơi trong nhiều năm nay. Trong quá trình hòa giải Tòa án đã động viên bà N nên trở lại chung sống với ông L, vì hai bên đều đã lớn tuổi; nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn. Do đó, kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không có lợi cho đôi bên, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp đều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Trong đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ gửi kèm theo đơn khởi kiện bà N có đề cập đến con cái và tài sản chung, nhưng bà N không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập trong bản án này.

[4] *Về án phí:* Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 131 của Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội khóa 10; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị N ly hôn ông Thới L.

2. *Về án phí:* Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0013043 ngày 7/6/2017. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 18/9/2017; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận
TAND tỉnh
VKSND huyện
THADS huyện
Các đương sự
Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái